

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ánh Dương và bà Hà Thị Hằng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST – HNGĐ ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thương Minh A (Tên gọi khác Nguyễn Thị N) - sinh năm 1996;

Địa Chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn E 1, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Người làm chứng: Ông Đặng Quốc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn E 1, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thương Minh A trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đàm Văn N vào ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh

phúc đến ngày 15/5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, làm ăn kinh tế dẫn đến nhiều lần cãi nhau, trầm trọng nhất ngày 25/6/2022 vợ chồng cãi nhau, kể từ đó chị đã về nhà mẹ đẻ ở tại thôn L, xã H, huyện V sinh sống và sống ly thân với anh N, không ai quan tâm đến ai kể cả tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn N.

Về con chung: Vợ chồng không ai có con riêng, không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị A xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đàm Văn N: Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đàm Văn N, Bản thân anh N đã biết việc chị A khởi kiện ly hôn. Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vắng mặt, quá trình giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh N đều trốn tránh không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp các tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thương Minh A có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thương Minh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thể hiện quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Đàm Văn N vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thương Minh A được ly hôn với anh Đàm Văn N.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Nguyễn Thương Minh A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đàm Văn N, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn E 1, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Đàm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thương Minh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thương Minh A tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đàm Văn N vào ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến ngày 15/5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, làm ăn kinh tế dẫn đến nhiều lần cãi nhau, trầm trọng nhất ngày 25/6/2022 vợ chồng cãi nhau, chị A đã về nhà mẹ đẻ ở tại thôn L, xã H, huyện V sinh sống và sống ly thân với anh N, không ai quan tâm đến ai kể cả tình cảm lẫn kinh tế.

Đối với anh Đàm Văn N: Khi Tòa án giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn chị Nguyễn Thương Minh A, lời khai

của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ xác minh tại chính quyền địa phương, để giải quyết vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thương Minh A đối với anh Đàm Văn N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thương Minh A và anh Đàm Văn N không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thương Minh A xác định không có tài sản chung, không vay, nợ chung, không có yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thương Minh A phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thương Minh A. Chị Nguyễn Thương Minh A (*Tên gọi khác Nguyễn Thị N*) được ly hôn với anh Đàm Văn N.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thương Minh A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004456 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thương Minh A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đàm Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa

